

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày 22/5/2024;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Miên;

Bà Nguyễn Thị Mai;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lân, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Công - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/20024/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Kiều Quốc C, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1991, tại huyện T, Thành phố Hà Nội; CCCD số 001091032813 cấp ngày 10/5/2021; nơi cấp: Cục C5 về TTXH; nơi cư trú: Sổ Tơi, xã Y, huyện T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Kiều Bá H, sinh năm 1955; con bà Nguyễn Thị V (đã chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 10/9/2019 Công an huyện B, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Xâm hại đến sức khỏe người khác; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 09/8/2023 tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. D chỉ bản số 358 do Công an huyện T lập ngày 15/8/2023. Có mặt.

2. Lò Thị V1 (Tên gọi khác V2), sinh ngày 03/12/2000, tại thị xã N, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Bản Xa, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Con ông Lò Văn N, sinh năm 1981; con bà Đinh Thị

C1, sinh năm 1982; chồng, con: Chưa có; Tiền án: Không, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 28/02/2024 tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. D chỉ bản số 091 do Công an huyện T lập ngày 28/02/2024. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983; có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội;

2. Anh Chu Văn C2, sinh năm 1981; vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn D, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội;

- Người làm chứng:

+ Chị Mai Thị T, sinh năm 1983; có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội;

+ Chị Xa Thị T1, sinh năm 1988; có mặt;

Địa chỉ: Xóm Q, Y, T, Phú Thọ;

+ Anh Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1999; vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội;

+ Anh Nguyễn Văn C3, sinh năm 1991; có mặt;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội;

+ Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1991; vắng mặt;

Địa chỉ: E - F phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

+ Anh Bùi Thái H1, sinh năm 1987; vắng mặt;

Địa chỉ: Tiền H, V, thị xã S, thành phố Hà Nội;

+ Chị Kiều Thị Minh H2, sinh năm 1983; có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội;

+ Chị Kiều Linh C4, sinh năm 1989; có mặt;

Địa chỉ: B, xã K, huyện B, thành phố Hà Nội;

+ Chị Kiều Thu T2, sinh năm 1986; có mặt;

Địa chỉ: Tổ Dân phố A, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội;

+ Anh Đỗ Minh T3, sinh năm 1994; vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội;

+ Ông Vũ Tiến T4, sinh năm 1950 (Công chứng viên); vắng mặt;

Địa chỉ: P - B, T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Cướp tài sản của Kiều Quốc C và Lò Thị V1:

Kiều Quốc C (sinh năm 1991; trú tại: thôn S, xã Y, huyện T, Hà Nội) có mối quan hệ tình cảm với Lò Thị V1 (tên thường gọi là V2, sinh năm: 2000; HKTT: Bản Xa, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái) là nhân viên phục vụ tại quán K, địa chỉ ở thôn Đ, xã Y, huyện T, Hà Nội, do chị Nguyễn Thị N1 (sinh năm 1983; trú tại: thôn V, xã Đ, huyện Q, Hà Nội) làm chủ quán và chị Mai Thị T (tên thường gọi là T5, sinh năm: 1983; trú tại: thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái) làm quản lý quán.

Trong thời gian làm tại quán, V1 quen biết với Nguyễn Tiến D1 (sinh năm: 1999; trú tại: thôn S, xã Y, huyện T, Hà Nội). Khoảng đầu tháng 6/2023, D1 cùng nhóm bạn đến quán của chị N1 hát, khi thanh toán hóa đơn hết 2.700.000 đồng. Do D1 không đủ tiền thanh toán, nên V1 đứng ra nhận nợ thay D1. Đến khoảng cuối tháng 6/2023, V1 nghỉ làm và đề nghị chị N1 thanh toán tiền công thì chị N1 trừ 2.700.000 đồng là số tiền hóa đơn phòng hát V1 đã nhận nợ hộ D1 trước đó và thanh toán số tiền công còn lại. Khi gặp Quốc C, V1 kể lại việc chị N1 trừ tiền phòng hát 2.700.000 đồng của D1 vào tiền công nhưng V1 không đồng ý. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 8/8/2023 khi đang ngồi ăn cùng V1 tại một quán ở đập Q, xã T, huyện T, Hà Nội, Quốc C hỏi về việc chị N1 đã trả nốt số tiền công 2.700.000 đồng chưa thì V1 nói chưa. Quốc C sử dụng số điện thoại 0987.466.015 của mình, gọi điện thoại cho N1 và T. V1 ngồi cạnh nghe thấy Quốc C chửi bới và yêu cầu trả số tiền 2.700.000 đồng cho V1, nếu không trả tiền sẽ quậy phá, không để yên cho quán karaoke của chị N1 hoạt động. Sau đó Quốc C bảo V1 đi cùng đến quán gặp chị N1 đòi tiền, V1 đồng ý. Quốc C mượn xe ô tô chở V1 vào quán K, trên đường đi Quốc C tiếp tục gọi vào số điện thoại 0335.247.757 của chị T, lúc này anh Nguyễn Văn C3 (sinh năm 1991; trú tại: thôn M, xã V, huyện B, Hà Nội – là bạn của chị T) đang có mặt tại quán karaoke Tiến Đ nghe máy. Quốc C nói chuyện với anh Văn C3, còn V1 khi đó đang ngồi cạnh Quốc C nên nghe được cuộc nói chuyện: “*Đm chúng mày, đợi 20 phút nữa bố mày có mặt ở trước cửa quán*”, “*Con V2 nó không liên quan gì đến thằng D1, bạn nhấn lại cho con N1 với con T nếu không thanh toán tiền cho cái V2 thì tôi đéo để yên, Đ1 cái con N1, tôi bây giờ bắt cần đòi, cần đéo gì phải nể, còn đéo giải quyết được thì tí nữa tôi vào quán đập phá ở quán cho mà xem, xong bạn gọi Công an tôi ở đây tôi đợi*”.

Khoảng 01 giờ cùng ngày, Quốc C và V1 đến quán K. Quốc C bảo V1: “*Cứ ngồi trong xe đợi anh, anh vào lấy tiền cho*”, V1 đồng ý. Quốc C đi vào trong quán thì thấy N1, T, Văn C3 cùng 03 nhân viên phục vụ đang ngồi tại bàn

uống nước. Quốc C nói: “*Con T5 đâu rồi*” (T5 là tên thường gọi của T) rồi chỉ tay vào mặt N1 nói: “*Cả con này nữa*”, “*Anh nói cho mày biết nhé, đm quán hát chẳng quán nào có giấy phép kinh doanh cả nhé*”, “*Con Vy nó đến liên quan đến thằng D1, em gọi thằng D1 xuống đây giải quyết*”. Quốc C tiến đến chỗ T (T5) đang ngồi nói: “*Còn con này, lão á*”, đồng thời dùng tay phải vỗ 01 phát vào vùng đầu của T rồi nói: “*Đm gọi được thằng nào lên đây, riêng cái đất B, T, đm chẳng thằng nào dám đứng trước mặt chửi đm thằng C luôn nhé*”, “*Đm chúng mày nữa*”. Tiếp sau đó, Quốc C cởi chiếc áo 3 lỗ đang mặc trên người ném xuống ghế sofa rồi dơ tay phải định đánh tiếp T nhưng Văn C3 đã can ngăn nên Quốc C không đánh nữa. Quốc C vừa nói vừa đi ra phía bên ngoài: “*Đm, V2 đâu rồi, đm gọi thằng D1 xuống, đm chúng nó, đây thích làm loạn làm loạn được ngay*”. Tiếp sau đó, Quốc C ra gọi V1 vào quán karaoke, V1 đi vào ngồi cạnh Quốc C. Quốc C nói “*Tiền nong đi làm phải rõ ràng, thằng D1 nợ là việc của thằng D1, tiền cái V2 đi làm là của cái V2*”. Sau đó N1, Quốc C gọi cho D1 bảo D1 đến để giải quyết. Do D1 không có xe nên Quốc C đi đón D1 đến quán karaoke. Trong khi chờ C đón D1 đến, do sợ C tiếp tục đánh T, có thể đánh cả mình và đập phá quán nên chị N1 đã hỏi V1 số tài khoản để chuyển tiền trả V1. Khoảng 03 phút sau, Quốc C và D1 đến quán. Quốc C, N1 và D1 tiếp tục tranh cãi về số tiền 2.700.000 đồng mà Nhung trừ của V1. Sau đó, do sợ C đánh, đập phá quán nên chị N1 đã chuyển khoản cho V1 số tiền 2.700.000 đồng. Quốc C bảo V1 kiểm tra tài khoản xem nhận được chưa, V1 kiểm tra thì đã nhận được tiền. Tiếp sau đó, Quốc C nói với D1: “*Sau việc của mày, mày tự giải quyết*” rồi đứng dậy chửi T: “*Còn bà sống cho cẩn thận, bà chả là cái cặc gì*”, T nói: “*Ai làm cái gì mà tự nhiên chửi*”. V1 đứng dậy nhìn thì thấy Quốc C cầm chiếc cốc bằng sứ trên tay phải ném 01 phát về phía T trúng vào tay T. Lúc này D1 và Văn C3 can ngăn, thì Quốc C tiếp tục cầm chiếc cốc sứ ném về phía T nhưng không trúng và T bỏ chạy vào trong phòng, V1 tiến đến can ngăn Quốc C. Sau đó Quốc C dùng tay phải đâm 02 phát trúng vào vùng đầu của Văn C3 rồi chạy đi tìm chị T định đánh tiếp nhưng không thấy. Quốc C quay lại thì Văn C3 nói “*Sao lại đánh cả tôi là thế nào*” thì Quốc C dùng tay phải đâm tiếp 01 phát trúng vào đầu của anh Văn C3, thấy vậy D1 lao vào can ngăn. Quốc C tiếp tục đi lại bàn uống nước cầm chiếc cốc bằng sứ ném về phía Văn C3 nhưng không trúng, Quốc C lao tới dùng tay phải đâm 02 phát vào đầu của Văn C3. Sau đó Quốc C lấy con dao gọt hoa quả để trên nóc tủ lạnh định đánh Văn C3 thì D1 can ngăn giằng được con dao. Tiếp sau đó, Quốc C chạy xuống khu bếp cầm được 01 con dao phay nhưng được mọi người can ngăn. Sau đó Quốc C và V1 ra về, chị T và Văn C3 đi bệnh viện cấp cứu.

Tang vật thu giữ:

- 03 (ba) chiếc cốc sứ, mỗi cốc cao khoảng 7,5 cm; miệng cốc có đường kính khoảng 8,5 cm, bên ngoài màu xanh lục lam, bên trong lòng cốc màu trắng, 03 chiếc cốc trên đã bị vỡ thành nhiều mảnh gồm nhiều kích thước khác nhau.

- 01 (một) con dao loại gọt hoa quả có tổng chiều dài khoảng 33 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 21,5 cm, lưỡi dao có bản rộng nhất khoảng 04 cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài khoảng 11,5 cm, dao có một cạnh sắc và có mũi nhọn.

- 01 (một) con dao phay có tổng chiều dài 38 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26 cm, có 01 cạnh sắc, đầu bằng, lưỡi dao có bản rộng nhất khoảng 7,3 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12 cm, đường kính chuôi dao khoảng 03 cm.

- Số tiền 2.700.000 đồng do Lò Thị V1 tự nguyện giao nộp.

- 05 (năm) đoạn video ngày 08/8/2023 được trích xuất từ camera có tên “Phòng khách” tại quán Hát cho nhau nghe Tiến Đ (gồm: 01 đoạn video có thời lượng 03 phút 39 giây; 01 đoạn video có thời lượng 04 phút 02 giây; 01 đoạn video có thời lượng 03 phút 57 giây; 01 đoạn video có thời lượng 03 phút 59 giây; 01 đoạn video có thời lượng 04 phút 00 giây); 02 (hai) đoạn video ngày 08/8/2023 được trích xuất từ camera có tên “quầy thu ngân” tại quán Hát cho nhau nghe Tiến Đ (gồm: 01 đoạn video có thời lượng 03 phút 58 giây; 01 đoạn video có thời lượng 01 phút 57 giây). Sau khi thu giữ được lưu trữ trong 01 (một) USB.

- 02 (hai) đoạn ghi âm cuộc gọi được ghi từ điện thoại: OPPO A53 màu đen, số IMEI1: 864326055747210, IMEI2: 864326055747202 (gồm: 01 đoạn ghi âm có thời lượng 03 phút 42 giây, dung lượng 347 KB; 01 đoạn ghi âm có thời lượng 00 phút 37 giây, dung lượng 58 KB). Sau khi thu giữ được lưu trữ trong 01 (một) USB.

Về thương tích:

Căn cứ biên bản kiểm tra dấu vết cơ thể của chị Mai Thị T ngày 09/8/2023, chị T có các thương tích sau: Mặt sau khuỷu tay trái có 01 vết thương đã khâu kích thước 01x0,1cm, còn ông dẫn lưu.

Theo Bản kết luận giám định số: 5964/KL-KTHS, ngày 30/08/2023, của V3 - Bộ C6 kết luận về tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với chị Mai Thị T: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với vết thương đang liền sẹo mặt sau khuỷu tay trái, kích thước nhỏ của chị Mai Thị T tại thời điểm giám định là: **01% (một phần trăm)**. Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương mặt sau khuỷu tay trái do vật có cạnh sắc gây ra. Vùng đầu, gáy không có vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.

Căn cứ biên bản kiểm tra dấu vết ngày 08/8/2023, anh Nguyễn Văn C3 có các thương tích: Vùng thái dương trái có 01 vết bầm đỏ kích thước 2,5x0,5cm. Ngày 15/8/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với anh Nguyễn Văn C3 để làm căn cứ xử lý vụ việc, nhưng anh Nguyễn Văn C3 có đơn xin từ chối giám định thương tích. Việc từ chối giám

định thương tích là hoàn toàn tự nguyện, cam đoan không thác mắc, khiếu kiện gì.

Kiều Quốc Cường trình bày ngày 08/8/2023 bị Mai Thị T dùng chân đạp vào bụng không để lại dấu vết và thương tích không đáng kể. Ngày 15/8/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Kiều Quốc C để làm căn cứ xử lý vụ việc. Nhưng Kiều Quốc C có đơn xin từ chối giám định thương tích.

Bản kết luận giám định số: 9454/KL-KTHS, ngày 30/01/2024, của V3 - Bộ C6 kết luận đối với: 07 (bảy) đoạn video trích xuất từ camera an ninh tại quán K; 02 (hai) đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bị can Kiều Quốc C và anh Nguyễn Văn C3:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp âm thanh, tệp video mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người đàn ông xưng “Cường” trong 02 tệp âm thanh mẫu cần giám định (ký hiệu “Cường” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Kiều Quốc C trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Nội dung ghi âm trong 02 tệp âm thanh mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

- Bản dịch nội dung ghi âm 02 cuộc điện thoại giữa Kiều Quốc C và anh Nguyễn Văn C3 kèm theo kết luận giám định số: 9454/KL-KTHS, ngày 30/01/2024, của V3 - Bộ C6.

Tại Cơ quan điều tra, Kiều Quốc C và Lò Thị V1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Kiều Quốc C:

Khoảng tháng 7 năm 2023, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, qua Đỗ Minh T3 (sinh năm 1994; trú tại: thôn E, xã T, huyện T, Hà Nội) giới thiệu, Kiều Quốc C biết anh Chu Văn C2 (sinh năm 1981; trú tại: thôn D, xã T, thị xã S, Hà Nội) có mở văn phòng bất động sản Lộc Phát T6 tại địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, Hà Nội, nên đã nảy sinh ý định làm giả giấy tờ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do C có chị gái là Kiều Thị Minh H2 (sinh năm 1983; trú tại: thôn C, xã T, huyện T, Hà Nội) cũng làm nghề kinh doanh, môi giới bất động sản nên C đã nhờ H2 chụp ảnh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H2 đang đứng tên rồi gửi qua Z cho C. C sử dụng mạng xã hội Facebook để liên hệ, đồng thời gửi ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H2 gửi, cho một đối tượng không rõ lai lịch và thuê đối tượng này làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá 2.500.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau C nhận được giấy chứng nhận giả qua hình thức chuyển phát dịch vụ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà C đặt

làm giả có thông tin: số phát hành DA089487, số vào sổ cấp GCN:CH01164, thửa đất số 812, tờ bản đồ số 20 (xã Y cũ), địa chỉ: T - khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 120m² do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc P1 (SN 1961; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) và bà Phạm Thị H3 (SN 1970; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) ngày 18 tháng 11 năm 2021. Tại trang 04 đã chuyển nhượng cho Kiều Quốc C (SN 1991; HKTT: thôn S, xã Y, huyện T, Hà Nội vào ngày 21/01/2022. Ngày 29/7/2023 C đến văn phòng bất động sản Lộc Phát T6 của anh C2 nói rằng mình đang có thửa đất tại huyện T, tỉnh Phú Thọ, đồng thời đưa cho anh C2 xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và đặt vấn đề muốn bán thửa đất. Anh C2 đồng ý mua và hai bên thỏa thuận giá tiền mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất là 300.000.000 đồng. Đến chiều ngày 30/7/2023, C dẫn anh C2 đến địa chỉ T, khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ để xem thửa đất. Sau khi xem đất, C và anh C2 quay trở lại văn phòng B để lập hợp đồng đặt cọc. Nội dung hợp đồng đặt cọc thể hiện: giá tiền mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất là 300.000.000 đồng; anh C2 đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng để mua thửa đất của C, khi nào hoàn tất thủ tục mua bán, chuyển nhượng anh C2 sẽ thanh toán nốt số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi lập hợp đồng đặt cọc, do không có đủ tiền nên anh C2 chuyển khoản trước số tiền 50.000.000 đồng cho C và hẹn vài hôm sau sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Anh C2 thỏa thuận với C sẽ liên hệ Văn phòng C7, chi nhánh ở thôn C, xã T, huyện T, Hà Nội để làm hợp đồng chuyển nhượng, chi phí thuê văn phòng công chứng do C (bên mua) thanh toán, khi nào xong hợp đồng anh C2 gọi điện thoại thì C đến văn phòng công chứng để ký. Khoảng hai ngày sau, tại văn phòng B, anh C2 giao số tiền 148.000.000 đồng cho C, còn 2.000.000 đồng anh C2 thanh toán tiền công chứng cho C. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 198.000.000 đồng của anh C2, C đã cho anh Đỗ Minh T3 vay số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại C đã tiêu xài hết.

Do quen biết với anh Nguyễn Quốc P (sinh năm 1991; trú tại: số E phố H, phường H, quận H, Hà Nội) cũng làm kinh doanh, môi giới bất động sản nên anh C2 đã nhờ anh P đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 05/8/2023, văn phòng C7 hợp đồng, anh C2 thông báo cho Quốc C đến ký hợp đồng. Ngày 07/8/2023, sau khi Nguyễn Quốc P ký hợp đồng thì văn phòng C7 phát hành hợp đồng ủy quyền số công chứng: 9817, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó một thời gian, anh C2 biết việc Kiều Quốc C bị Cơ quan điều tra khởi tố bị can về tội Cướp tài sản, đồng thời qua một số kênh thông tin, anh C2 biết thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ không phải của C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà C giao cho anh C2 là giấy tờ giả nên ngày 13/9/2023 anh C2 đã làm đơn tố giác đến Cơ quan điều tra.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DA089487, sổ vào sổ cấp GCN:CH01164, thửa đất số 812, tờ bản đồ số 20 (xã Y cũ), địa chỉ: T - khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 120m² do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc P1 (SN 1961; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) và bà Phạm Thị H3 (SN 1970; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) ngày 18 tháng 11 năm 2021. Tại trang 04 đã chuyển nhượng cho Kiều Quốc C (SN 1991; HKTT: thôn S, xã Y, huyện T, Hà Nội vào ngày 21/01/2022.

- 01 (một) Hợp đồng đặt cọc lập ngày 30/7/2023 tại văn phòng B, địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, Hà Nội.

- 01 (một) Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 9817, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại văn phòng C7, địa chỉ: tổ A, khu X, xã X, huyện C, Hà Nội ngày 07/8/2023 (Bản sao chứng thực).

Cơ quan điều tra đã thu thập mẫu hình dấu của UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ; mẫu chữ ký của ông Nguyễn Minh T7 – Phó Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ; mẫu chữ ký của ông Đào Hoàng A – Giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T để phục vụ công tác giám định tài liệu.

Tại Bản kết luận giám định số 1050/KL-KTHS ngày 30/01/2024 của Phòng K1 - C8 kết luận: đối với chữ viết, chữ ký, con dấu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DA089487 và Hợp đồng đặt cọc do anh Chu Văn C2 giao nộp:

+ Chữ ký tại góc dưới bên trái trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết dòng họ tên Kiều Quốc C dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên Kiều Quốc C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người ký và viết ra.

+ Con dấu đóng ra hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY T. PHÚ THỌ” trên mẫu so sánh ký hiệu M3 **không đóng ra** hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN THANH THỦY T. PHÚ THỌ” trên mẫu cần giám định A1. **Hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN THANH THỦY T. PHÚ THỌ” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.**

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T7 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T7 trên mẫu so sánh ký hiệu M4 **không phải chữ do cùng một người ký ra.**

+ Con dấu đóng ra hình dấu tròn “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT * PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG H. THANH THỦY – T. PHÚ THỌ” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M9 **không đóng ra** hình dấu tròn “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT * PHÒNG

ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI H. THANH THỦY T. PHÚ THỌ” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1. **Hình dấu tròn “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT * PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI H. THANH THỦY T. PHÚ THỌ” trên mẫu cần giám định ký hiệu mẫu A1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.**

+ Chữ ký đứng tên Đào Hoàng A trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Đào H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M9 **không phải chữ do cùng một người ký ra.**

Tại Cơ quan điều tra, Kiều Quốc C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị N1, chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn C3 không yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Ngày 17/5/2023, gia đình bị cáo C3 bồi thường cho anh Chu Văn C2 số tiền 200.000.000 đồng, anh C2 đã nhận đủ và không yêu cầu giải quyết về bồi thường dân sự.

Ngày 22/5/2024, gia đình bị cáo C3 đã tự nguyện bồi thường cho chị N1 1.000.000 đồng. Chị N1 đã nhận và không yêu cầu C3 bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 23/QĐ -VKS ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố:

1. Bị cáo Kiều Quốc C về các tội: **“Cướp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** và **“Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”**, quy định tại khoản 1 Điều 168, điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

2. Lò Thị V1 (V2) về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Kiều Quốc Cường từ 3 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, 05 năm – 05 năm 06 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 năm – 03 năm 06 tháng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Kiều Quốc C 11 năm - 13 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 09/8/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Lò Thị V1 (V2) từ 24 tháng – 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/02/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xét.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 (ba) chiếc cốc sứ, 01 (một) con dao loại gọt hoa quả và 01 (một) con dao phay. Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 2.700.000 đồng do Lò Thị V1 tự nguyện giao nộp đề nghị trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị N1. Tại phiên tòa chị N1 đề nghị đòi trừ vào tiền công chị N1 phải trả cho V1 nên ghi nhận và đề nghị trả cho bị cáo V1.

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DA089487, số vào sổ cấp GCN:CH01164, thửa đất số 812, tờ bản đồ số 20 (xã Y cũ), địa chỉ: T - khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 120m² do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc P1 (SN 1961; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) và bà Phạm Thị H3 (SN 1970; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) ngày 18 tháng 11 năm 2021. Tại trang 04 đã chuyển nhượng cho Kiều Quốc C (SN 1991; HKTT: thôn S, xã Y, huyện T, Hà Nội vào ngày 21/01/2022; 01 (một) Hợp đồng đặt cọc lập ngày 30/7/2023 tại văn phòng B, địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, Hà Nội; 01 (một) Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 9817, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại văn phòng C7, địa chỉ: tổ A, khu X, xã X, huyện C, Hà Nội ngày 07/8/2023 (Bản sao chứng thực); 05 (năm) đoạn video ngày 08/8/2023 được trích xuất từ camera có tên “Phòng khách” tại quán Hát cho nhau nghe Tiến Đ và 02 (hai) đoạn video ngày 08/8/2023 được trích xuất từ camera có tên “quầy thu ngân” tại quán Hát cho nhau nghe Tiến Đ. Sau khi thu giữ được lưu trữ trong 01 (một) USB và 02 (hai) đoạn ghi âm cuộc gọi được ghi từ điện thoại: OPPO A53 màu đen, số IMEI1: 864326055747210, IMEI2: 864326055747202. Sau khi thu giữ được lưu trữ trong 01 (một) USB là tài liệu chứng cứ lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Do bức xúc về việc chị Nguyễn Thị N1 không trả tiền công cho V1 là bạn gái của C nên khoảng 01 giờ ngày 08/8/2023 Kiều Quốc C gọi điện cho chị N1 đe dọa đánh, đập phá quán của chị N1 mục đích đòi tiền. Sau đó, C và Lò Thị V1 cùng đi đến quán karaoke của chị Nguyễn Thị N1 ở thôn Đ, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội để đòi tiền. Tại đây, Kiều Quốc C dùng tay đánh chị Mai Thị T là quản lý quán, chửi bới, đe dọa đánh, đập phá quán, buộc chị Nguyễn Thị N1 phải trả số tiền 2.700.000 đồng cho Lò Thị V1. Sau khi, chị N1 chuyển tiền vào số tài khoản của V1 thì Kiều Quốc C tiếp tục có hành vi đuổi đánh nhân viên quán karaoke của chị N1 nhưng được mọi người can ngăn nên sự việc dừng lại.

Ngoài ra, vào khoảng đầu tháng 7/2023, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Kiều Quốc C đã thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 812, tờ bản đồ số 20 (xã Y cũ), địa chỉ: T, khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, sau đó giao bán thửa đất trên cho anh Chu Văn C2. Do tin tưởng thửa đất trên là của C, anh C2 đồng ý mua với giá 300.000.000 đồng và ngày 30/7/2023 C và anh C2 đã lập hợp đồng đặt cọc. Sau đó, anh C2 đã chuyển cho Kiều Quốc C số tiền 200.000.000 đồng, thông qua chuyển khoản và giao tiền mặt tại Văn phòng B ở địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi chiếm đoạt tiền của anh C2, C đã tiêu xài cá nhân hết. Tại thời điểm phạm tội Kiều Quốc C có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của Kiều Quốc C đã phạm vào tội: “Cướp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168; điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lò Thị V1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật. Ngày 08/8/2023 V1 đồng thuận đi cùng C đến quán K để đòi số tiền 2.700.000 đồng. Trên đường đi và tại quán hát V1 đã chứng kiến C chửi bới, đe dọa chị N1, chị T nhằm đòi số tiền 2.700.000 đồng. Bản thân V1 là người trực tiếp nhận, quản lý, sử dụng số tiền 2.700.000 đồng là tiền mà C dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đòi lại từ chị N1 cho V1. Do vậy, hành vi của V1 đồng phạm với Kiều Quốc C về tội: “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất quy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn áp dụng điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của người khác, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan quản lý Nhà nước, làm mất trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án cướp tài sản, các bị cáo phạm tội bột phát, không có sự cấu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, cũng cần xem xét, đánh giá tính chất mức độ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

- Đối với bị cáo Kiều Quốc C có vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp gọi điện chửi bới đe dọa và dùng hung khí nguy hiểm đe dọa, gây thương tích cho chị T, anh C, trực tiếp yêu cầu chị N1 phải trả lại V1 2.700.000 đồng, Ngoài ra, Kiều Quốc C còn thực hiện hành vi nhờ người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó dùng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của anh Chu Văn C2.

- Đối với Lò Thị V1 khi thấy C chửi bới, đe dọa và đánh nhân viên của chị N1 cũng không can ngăn và đồng ý để chị N1 chuyển tiền vào tài khoản của mình, do vậy V1 đồng phạm với vai trò giúp sức nên tính chất mức độ nguy hiểm thấp hơn C.

[5].Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6].Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo trong vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7].Về nhân thân: Bị cáo C nhân thân có một tiền sự, năm 2019 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại đến sức khỏe của người khác (đã được xóa), phạm nhiều tội, phạm tội rất nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại nên cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp, dưới khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự vẫn đảm bảo giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo V1 nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội tham gia với vai trò là người giúp sức có vai trò không đáng kể nên cho bị cáo được

hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168, khoản 5 Điều 174, khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền ...*” do vậy, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, quản chế, cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tịch thu một phần tài sản. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự chị Nguyễn Thị N1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Tuy nhiên, ngày 28/02/2023 bị cáo Lò Thị V1 đã tự nguyện nộp số tiền là 2.700.000 đồng tại Cơ quan điều tra để trả lại cho chị N1, gia đình bị cáo C tự nguyện bồi thường cho chị N1 số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị N1 và bị cáo V1 thỏa thuận đối trừ số tiền 2.700.000 đồng bị cáo V1 nộp tại cơ quan điều tra vào số tiền công mà chị N1 phải trả cho bị cáo V1, thỏa thuận này của bị cáo V1 và bị hại N1 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngày 17/5/2024, anh Chu Văn C2 đã nhận số tiền 200.000.000 đồng do gia đình bị cáo C bồi thường và không có yêu cầu bồi thường nên không xét.

[10]. Về các tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Đối với đối tượng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Kiều Quốc C khai không quen biết, không cung cấp được thông tin tên, tuổi, địa chỉ, việc liên hệ với người này qua mạng xã hội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ và xử lý.

Đối với Kiều Thị Minh H2 là người chụp ảnh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H2 đang đứng tên rồi gửi qua Zalo cho Kiều Quốc C. Chị H2 không bàn bạc, không biết việc C sử dụng thông tin để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Chu Văn C2. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với việc Kiều Quốc C chuyển cho Đỗ Minh T3 50.000.000 đồng sau khi chiếm đoạt được số tiền 200.000.000 đồng của anh Chu Văn C2. Anh Đỗ Minh T3 trình bày không biết việc C dùng số tiền chiếm đoạt của anh C2 để cho mình vay. Anh T8 không biết, không bàn bạc, trao đổi với C về việc làm giả giấy tờ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh C2. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với T8.

Đối với việc công chứng Hợp đồng ủy quyền của Công chứng viên Vũ Tiến T4: Công chứng viên Vũ Tiến T4 không có quan hệ quen biết hay bàn bạc, thỏa thuận từ trước với C, ngoài phí công chứng do anh C2 thanh toán Công chứng viên T4 không được hưởng lợi ích vật chất nào từ C. Quá trình lập Hợp đồng ủy quyền, Công chứng viên cũng đã tiến hành thẩm định các giấy tờ, tài

liệu do các bên cung cấp theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về công chứng. Vì vậy, không có căn cứ để xác định công chứng viên có vai trò đồng phạm với C trong việc sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11]. *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 03 (ba) chiếc cốc sứ, mỗi cốc cao khoảng 7,5 cm đã bị vỡ thành nhiều mảnh gồm nhiều kích thước khác nhau không còn giá trị sử dụng, 01 (một) con dao loại gọt hoa quả có tổng chiều dài khoảng 33 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 21,5 cm, lưỡi dao có bản rộng nhất khoảng 04 cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài khoảng 11,5 cm, dao có một cạnh sắc, mũi nhọn và 01 (một) con dao phay có tổng chiều dài 38 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26 cm, có 01 cạnh sắc, đầu bằng, lưỡi dao có bản rộng nhất khoảng 7,3 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12 cm, đường kính chuôi dao khoảng 03 cm là hung khí cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 2.700.000 đồng trả lại cho bị cáo Lò Thị V1 theo thỏa thuận giữa bị cáo V1 và chị Nguyễn Thị N1.

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DA089487, số vào sổ cấp GCN:CH01164, thửa đất số 812, tờ bản đồ số 20 (xã Y cũ), địa chỉ: T - khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 120m² do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc P1 (SN 1961; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) và bà Phạm Thị H3 (SN 1970; HKTT: tổ D T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) ngày 18 tháng 11 năm 2021. Tại trang 04 đã chuyển nhượng cho Kiều Quốc C (SN 1991; HKTT: thôn S, xã Y, huyện T, Hà Nội vào ngày 21/01/2022; 01 (một) Hợp đồng đặt cọc lập ngày 30/7/2023 tại văn phòng B, địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, Hà Nội; 01 (một) Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 9817, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại văn phòng C7, địa chỉ: tổ A, khu X, xã X, huyện C, Hà Nội ngày 07/8/2023 (Bản sao chứng thực); 05 (năm) đoạn video ngày 08/8/2023 được trích xuất từ camera có tên “Phòng khách” tại quán Hát cho nhau nghe Tiến Đ và 02 (hai) đoạn video ngày 08/8/2023 được trích xuất từ camera có tên “quầy thu ngân” tại quán Hát cho nhau nghe Tiến Đ. Sau khi thu giữ được lưu trữ trong 01 (một) USB và 02 (hai) đoạn ghi âm cuộc gọi được ghi từ điện thoại: OPPO A53 màu đen, số IMEI1: 864326055747210, IMEI2: 864326055747202. Sau khi thu giữ được lưu trữ trong 01 (một) USB là tài liệu chứng cứ lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[12].*Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kiều Quốc C tội “**Cướp tài sản**”; tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và tội “**Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**”; bị cáo Lò Thị V1 (V2) phạm tội “**Cướp tài sản**”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: **Kiều Quốc Cường 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “**Cướp tài sản**”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: **K** (năm) năm tù về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: **Kiều Quốc Cường 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “**Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức**”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Kiều Quốc C** phải chấp hành hình phạt chung của cả ba tội là **10** (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Lò Thị V1** (Vy) **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N1 và bị cáo Lò Thị V1 đối trừ nghĩa vụ giữa bị cáo và bị hại. Trả lại bị cáo Lò Thị V1 số tiền là **2.700.000** đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) (theo ủy nhiệm chi số 88 ngày 20/5/2024).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) chiếc cốc sứ, mỗi cốc cao khoảng 7,5 cm, miệng cốc có đường kính khoảng 8,5cm, bên ngoài màu xanh lục lam, bên trong lòng cốc màu trắng, 03 chiếc cốc trên đã bị vỡ thành nhiều mảnh gồm các kích thước khác nhau; 01 (một) con dao Thái Lan loại gọt hoa quả có tổng chiều dài khoảng 33 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 21,5 cm, lưỡi dao có bản rộng nhất khoảng 04 cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài khoảng 11,5 cm, dao có một cạnh sắc, mũi nhọn và 01 (một) con dao phay có tổng chiều dài 38 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26 cm, có 01 cạnh sắc, đầu bằng, lưỡi dao có bản rộng nhất khoảng 7,3 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12 cm, đường kính chuôi dao khoảng 03 cm.

(Theo biên bản giao nhận tài sản, tang vật số 57/2024 ngày 17/5/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Kiều Quốc C, Lò Thị V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (chị N1) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại (anh C2) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND, THA huyện Thạch Thất;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã Yên Trung huyện Thạch Thất;
- UBND xã Nghĩa Lợi, TX Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái;
- Lưu HS, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy